

## TENSES

### 1. Simple past: Quá khứ đơn

- Dấu hiệu:

- Công thức:

### 2. Simple present : Hiện tại đơn

- Dấu hiệu:

- Công thức:

### 3. Present perfect: Hiện tại hoàn thành

- Dấu hiệu:

- Công thức:

### 4. Present continuous: Hiện tại tiếp diễn

- Dấu hiệu:

- Công thức:

#### 5. Past continuous: Quá khứ tiếp diễn

- Dấu hiệu:

- Công thức:

#### 6. Simple future: Tương lai đơn

- Dấu hiệu:

- Công thức:

#### 7. Tobe going to :Quá khứ đơn

- Dấu hiệu:

- Công thức: